TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 05/03/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Hữu Mạnh An	Nam	08/05/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1072/QĐ121/2021	TH001094	
2	Võ Nhật Anh	Nam	05/04/2003	Nghệ An	6.7	7.5	1073/QĐ121/2021	TH001095	
3	Nguyễn Quốc Anh	Nam	06/11/2003	Nghệ An	6.7	6.5	1074/QĐ121/2021	TH001096	
4	Nguyễn Nhật Anh	Nam	02/11/2003	Nghệ An	6.3	8.0	1075/QĐ121/2021	TH001097	
5	Ngô Thị Quỳnh Anh	Nữ	11/12/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1076/QĐ121/2021	TH001098	
6	Nguyễn Thị Phương Ánh	Nữ	06/10/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1077/QĐ121/2021	TH001099	
7	Nguyễn Hồ Ngọc Ánh	Nữ	19/07/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1078/QĐ121/2021	TH001100	
8	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	22/03/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1079/QĐ121/2021	TH001101	
9	Trần Hưng Bách	Nam	06/04/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1080/QĐ121/2021	TH001102	
10	Võ Quang Bảo	Nam	07/02/2004	Nghệ An	6.3	5.5	1081/QĐ121/2021	TH001103	
11	Nguyễn Thế Bình	Nam	08/03/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1082/QĐ121/2021	TH001104	
12	Võ Đình Dân	Nam	01/07/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1083/QĐ121/2021	TH001105	
13	Nguyễn Văn Đạt	Nam	05/10/1995	Nghệ An	5.3	6.0	1084/QĐ121/2021	TH001106	
14	Phan Minh Đức	Nam	11/05/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1085/QĐ121/2021	TH001107	
15	Dương Minh Đức	Nam	26/08/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1086/QĐ121/2021	TH001108	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
16	Hồ Mạnh Dũng	Nam	08/09/2003	Nghệ An	6.3	7.5	1087/QĐ121/2021	TH001109	
17	Lương Minh Duyên	Nam	29/07/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1088/QĐ121/2021	TH001110	
18	Nguyễn Hoàng Hiệp	Nam	16/09/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1089/QĐ121/2021	TH001111	
19	Trần Trung Hiếu	Nam	28/08/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1090/QĐ121/2021	TH001112	
20	Nguyễn Đình Huy	Nam	03/10/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1091/QĐ121/2021	TH001113	
21	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	04/11/2002	Nghệ An	6.3	6.5	1092/QĐ121/2021	TH001114	
22	Cao Đăng Lâm	Nam	18/08/1999	Nghệ An	6.7	5.5	1093/QĐ121/2021	TH001115	
23	Nguyễn Thị Phương Liên	Nữ	14/03/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1094/QĐ121/2021	TH001116	
24	Nguyễn Hữu Long	Nam	01/04/2003	Nghệ An	6.0	6.5	1095/QĐ121/2021	TH001117	
25	Đặng Tiến Mạnh	Nam	11/06/2003	Nghệ An	7.0	6.5	1096/QĐ121/2021	TH001118	
26	Nguyễn Văn Minh	Nam	29/10/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1097/QĐ121/2021	TH001119	
27	Nguyễn Văn Anh Mỹ	Nam	02/04/1998	Nghệ An	6.0	6.0	1098/QĐ121/2021	TH001120	
28	Nguyễn Thúy Nga	Nữ	22/12/2002	Nghệ An	6.3	7.0	1099/QĐ121/2021	TH001121	
29	Nguyễn Trung Nguyên	Nam	24/10/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1100/QĐ121/2021	TH001122	
30	Nguyễn Công Nhất	Nam	19/05/2000	Nghệ An	6.0	8.5	1101/QĐ121/2021	TH001123	
31	Võ Minh Nhật	Nam	22/04/1998	Đắk Lắk	6.7	5.5	1102/QĐ121/2021	TH001124	
32	Nguyễn Trần Thảo Nhi	Nữ	26/01/2004	Nghệ An	5.7	6.0	1103/QĐ121/2021	TH001125	
33	Nguyễn Đắc Mạnh Phi	Nam	09/04/2002	Gia Lai	5.7	6.0	1104/QĐ121/2021	TH001126	
34	Lê Duy Phong	Nam	16/01/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1105/QĐ121/2021	TH001127	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
35	Ngyuyễn Thanh Phong	Nam	12/07/2003	Nghệ An	7.0	6.0	1106/QĐ121/2021	TH001128	
36	Nguyễn Phùng Phúc	Nam	04/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1107/QĐ121/2021	TH001129	
37	Lê Hữu Phúc	Nam	01/07/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1108/QĐ121/2021	TH001130	
38	Lê Huy Phương	Nam	05/01/2003	Nghệ An	7.0	7.0	1109/QĐ121/2021	TH001131	
39	Nguyễn Tùng Quân	Nam	20/03/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1110/QĐ121/2021	TH001132	
40	Nguyễn Minh Quân	Nam	04/11/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1111/QĐ121/2021	TH001133	
41	Nguyễn Đình Quốc	Nam	11/11/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1112/QĐ121/2021	TH001134	
42	Bùi Minh Tân	Nam	13/11/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1113/QĐ121/2021	TH001135	
43	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	26/10/2002	Nghệ An	5.7	5.0	1114/QĐ121/2021	TH001136	
44	Phạm Văn Tiến	Nam	06/02/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1115/QĐ121/2021	TH001137	
45	Nguyễn Khắc Tiến	Nam	10/05/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1116/QĐ121/2021	TH001138	
46	Nguyễn Thành Trung	Nam	17/10/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1117/QĐ121/2021	TH001139	
47	Nguyễn Văn Trường	Nam	03/10/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1118/QĐ121/2021	TH001140	
48	Nguyễn Đình Tú	Nam	12/01/1992	Nghệ An	6.3	6.5	1119/QĐ121/2021	TH001141	
49	Nguyễn Viết Tuấn	Nam	10/11/2003	Nghệ An	6.7	6.5	1120/QĐ121/2021	TH001142	
50	Đoàn Nữ Trúc Vân	Nam	08/07/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1121/QĐ121/2021	TH001143	
51	Phạm Thị Hải Yến	Nữ	11/11/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1122/QĐ121/2021	TH001144	
52	Lê Ngọc An	Nam	30/10/2002	Nghệ An	5.3	6.0	1123/QĐ121/2021	TH001145	
53	Nguyễn Quang Anh	Nam	06/02/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1124/QĐ121/2021	TH001146	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
54	Nguyễn Duy Anh	Nam	02/07/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1125/QĐ121/2021	TH001147	
55	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	01/08/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1126/QĐ121/2021	TH001148	
56	Võ Thị Tuyết Chinh	Nữ	25/02/2002	Nghệ An	6.3	6.0	1127/QĐ121/2021	TH001149	
57	Nguyễn Văn Chương	Nam	19/11/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1128/QĐ121/2021	TH001150	
58	Trần Chí Công	Nam	23/10/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1129/QĐ121/2021	TH001151	
59	Trịnh Công Danh	Nam	01/10/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1130/QĐ121/2021	TH001152	
60	Phạm Quốc Đạt	Nam	22/09/2003	Nghệ An	6.7	5.0	1131/QĐ121/2021	TH001153	
61	Trịnh Thành Đạt	Nam	06/09/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1132/QĐ121/2021	TH001154	
62	Hồ Vĩnh Dũng	Nam	24/11/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1133/QĐ121/2021	TH001155	
63	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	06/08/2003	Nghệ An	5.3	5.0	1134/QĐ121/2021	TH001156	
64	Nguyễn Khắc Dương	Nam	18/09/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1135/QĐ121/2021	TH001157	
65	Thái Văn Duy	Nam	03/10/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1136/QĐ121/2021	TH001158	
66	Doãn Thị Bích Hằng	Nam	11/01/2004	Nghệ An	6.0	5.5	1137/QĐ121/2021	TH001159	
67	Trần Văn Hoàng	Nam	08/02/2003	Nghệ An	6.3	6.0	1138/QĐ121/2021	TH001160	
68	Nguyễn Đình Quốc Hùng	Nam	02/09/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1139/QĐ121/2021	TH001161	
69	Nguyễn Văn Hùng	Nam	21/02/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1140/QĐ121/2021	TH001162	
70	Lô Văn Hùng	Nam	11/01/2003	Nghệ An	6.7	5.5	1141/QĐ121/2021	TH001163	
71	Trần Văn Khoa	Nam	15/08/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1142/QĐ121/2021	TH001164	
72	Phùng Minh Kiên	Nam	12/10/2003	Nghệ An	5.3	6.0	1143/QĐ121/2021	TH001165	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
73	Nguyễn Bá Hoàng Kiên	Nam	04/07/2003	Nghệ An	5.7	5.0	1144/QĐ121/2021	TH001166	
74	Nguyễn Công Trung Kiên	Nam	07/11/2003	Nghệ An	6.3	5.0	1145/QĐ121/2021	TH001167	
75	Phùng Thị Thùy Linh	Nữ	18/11/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1146/QĐ121/2021	TH001168	
76	Đỗ Văn Lộc	Nam	02/05/2003	Nghệ An	6.7	6.0	1147/QĐ121/2021	TH001169	
77	Phạm Đức Mạnh	Nam	24/06/2003	Nghệ An	7.3	6.5	1148/QĐ121/2021	TH001170	
78	Trần Đức Mạnh	Nam	17/05/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1149/QĐ121/2021	TH001171	
79	Nguyễn Doãn Nhật Minh	Nam	31/03/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1150/QĐ121/2021	TH001172	
80	Hoàng Văn Nam	Nam	26/11/2003	Nghệ An	5.7	6.0	1151/QĐ121/2021	TH001173	
81	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	27/05/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1152/QĐ121/2021	TH001174	
82	Nguyễn Cảnh Ngọc	Nam	16/03/2003	Nghệ Anh	5.7	6.0	1153/QĐ121/2021	TH001175	
83	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	10/08/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1154/QĐ121/2021	TH001176	
84	Lê Xuân Phát	Nam	01/05/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1155/QĐ121/2021	TH001177	
85	Nguyễn Thiên Phong	Nam	30/10/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1156/QĐ121/2021	TH001178	
86	Nguyễn Ngọc Phong	Nam	22/10/2003	Nghệ An	6.7	6.5	1157/QĐ121/2021	TH001179	
87	Nguyễn Mạnh Quân	Nam	24/01/2003	Đăk Lăk	5.7	6.0	1158/QĐ121/2021	TH001180	
88	Phạm Quang Quân	Nam	30/09/2003	Nghệ An	5.3	6.5	1159/QĐ121/2021	TH001181	
89	Đào Hoàng Quân	Nam	21/07/2003	Nghệ An	6.3	7.0	1160/QĐ121/2021	TH001182	
90	Đặng Quốc Quân	Nam	27/12/2002	Nghệ An	5.7	5.5	1161/QĐ121/2021	TH001183	
91	Lê Đình Quốc	Nam	10/09/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1162/QĐ121/2021	TH001184	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
92	Nguyễn Duy Quyết	Nam	05/11/2003	Nghệ An	5.7	5.5	1163/QĐ121/2021	TH001185	
93	Phạm Văn Quyết	Nam	14/03/2003	Nghệ An	6.3	5.5	1164/QĐ121/2021	TH001186	
94	Hoàng Trọng Sang	Nam	23/05/2003	Nghệ An	6.0	6.0	1165/QĐ121/2021	TH001187	
95	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	01/11/2003	Nghệ An	5.3	5.5	1166/QĐ121/2021	TH001188	
96	Tạ Công Thành	Nam	04/09/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1167/QĐ121/2021	TH001189	
97	Lê Hà Trang	Nữ	14/08/2003	Nghệ An	6.0	5.5	1168/QĐ121/2021	TH001190	
98	Nguyễn Văn Trung	Nam	09/09/1997	Nghệ An	6.7	6.0	1169/QĐ121/2021	TH001191	
99	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	07/01/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1170/QĐ121/2021	TH001192	
100	Nguyễn Võ Tuấn	Nam	18/04/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1171/QĐ121/2021	TH001193	
101	Lê Xuân Tuấn	Nam	25/05/2003	Nghệ An	6.3	6.5	1172/QĐ121/2021	TH001194	
102	Lê Đình Việt	Nam	18/05/2003	Nghệ An	5.7	6.5	1173/QĐ121/2021	TH001195	
103	Nguyễn Nhật Khánh Vượng	Nam	18/01/2003	Nghệ An	6.7	7.0	1174/QĐ121/2021	TH001196	